TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2022
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà**; bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 481/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên Đơn:** Chị Phan Thị L – sinh năm 1986

2. **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn V – sinh năm 1987

Đều ĐKHKTT: thôn ĐC, xã TB, huyện CM, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị L.

Vắng mặt: Anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2021, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Phan Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2007 tại UBND xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân do anh V có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi nhau, tình cảm chung bị rạn nứt; từ đầu năm 2020 anh V đã vào huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh để chung sống với người phụ nữ đó. Chị cũng đưa các con ra ngoài thuê nhà để sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị không liên lạc, không hỏi han, không quan tâm, chăm sóc nhau; vợ chồng không còn quan hệ tình cảm. Đến khoảng đầu năm 2022 anh V về nhà ăn Tết nhưng không hỏi han gì đến chị. Anh V ở nhà bố mẹ chồng chị được khoảng một tuần thì lại đi. Vợ chồng chị cũng trao đổi về việc chị có đơn xin ly hôn anh V. Anh V đồng ý và nói với chị là không về Tòa giải quyết được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh V để chị ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con.

Về con chung: Chị và anh V có bốn con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 30/10/2008, Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 09/01/2012, Nguyễn Mai A2, sinh ngày 24/10/2013 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/9/2019. Hiện tại cả bốn cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả 04 con chung. Từ ngày anh V đi cũng chỉ thỉnh thoảng điện thoại về hỏi thăm con. Chị đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 5.000.000 đồng/4 cháu/1 tháng.

Hiện nay chị làm nghề kinh doanh nhà nghỉ tại PG, xã ĐS, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Các con đang ở cùng chị và sinh sống tại nơi chị thuê kinh doanh, thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Chị có đủ khả năng nuôi cả 04 con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại nơi cư trú do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

*** Ông Nguyễn Văn T (bố đẻ anh V) trình bày**: Anh Nguyễn Văn V đang sinh sống tại CC, thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2020, địa chỉ cụ thể ông không biết

chính xác; tất cả giấy tờ hộ khẩu vẫn ở xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Giữa anh V và chị L có mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, nên anh V đã đi sống nơi khác, gia đình ông cũng mong muốn và bảo anh V về nhà để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng anh V không về. Gia đình ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình do chị Phan Thị L xin ly hôn với anh V, ông đã thông báo qua điện thoại cho anh V biết ngay lúc đó; dịp Tết Nguyên đán năm 2022 anh V có về nhà vài ngày sau đó lại đi luôn nên không đến Tòa án Chương Mỹ giải quyết được; quan điểm của anh V là cũng đồng ý ly hôn. Trường hợp chị L và anh V ly hôn thì quan điểm của anh V và vợ chồng ông đề nghị Tòa án giao 03 cháu Phương A, Quỳnh A1, Mai A2 cho vợ chồng ông nuôi dưỡng.

*** Xác minh tại Công an xã TB:** Anh Nguyễn Văn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TB, huyện CM, thành phố Hà Nội. Anh V hiện không sinh sống, làm việc tại địa phương, nhưng không làm thủ tục xin tạm vắng tại địa phương.

* Cháu Nguyễn Phương A, cháu Nguyễn Quỳnh A1, cháu Nguyễn Mai A2 có nguyện vọng ở với mẹ là chị L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị được nuôi cả bốn con sau khi ly hôn; đề nghị anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 04 con chung, mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị L được ly hôn anh V. Về con chung: Đề nghị giao cả 04 con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài

sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Phan Thị L có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn V về việc xin ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh Nguyễn Văn V không sinh sống tại xã TB, huyện CM; anh V và gia đình anh V không cung cấp địa chỉ chính xác hiện anh V đang sinh sống tại huyện CC, thành phố Hồ Chí Minh và do anh V hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn – Anh Nguyễn Văn V: Do anh V và gia đình anh V không cung cấp địa chỉ chính xác hiện anh V đang sinh sống tại huyện CC, thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc trường hợp anh V cố tình giấu diếm địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng anh V vẫn không có ý kiến, quan điểm gửi về Tòa án huyện CM trước yêu cầu khởi kiện của chị L. Anh V vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Văn V.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị L và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2007 tại UBND xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của chị Phan Thị L và ông Nguyễn Văn T (bố đẻ anh V), Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị L và anh V đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống dẫn đến vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 02/2020 đến nay. Anh V đã vào huyện CC, thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật và cũng nhiều lần điện thoại thông báo lịch làm việc cho anh V và gia đình anh V; bản thân anh V cũng về nhà dịp Tết Nguyên đán 2022 nhưng anh V không đến Tòa án làm việc, điều này thể hiện anh V không muốn khắc phục, cải thiện quan hệ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị L được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh V có bốn con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 30/10/2008, Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 09/01/2012, Nguyễn Mai A, sinh ngày 24/10/2013 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 22/9/2019.

Xét nghĩa vụ nuôi con chung sau khi ly hôn thì thấy: Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả bốn con chung; nguyện vọng của các cháu Phương A, Quỳnh A1, Mai A2 đều muốn ở với chị L. Anh V không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung trước yêu cầu xin ly hôn của chị L. Bố đẻ anh V là ông Thực có ý kiến gia đình ông muốn nuôi ba cháu Nguyễn Phương A, cháu Nguyễn Quỳnh A1, cháu Nguyễn Mai A2, nhưng hiện nay anh V không sinh sống, làm việc tại địa phương, không trực tiếp nuôi con chung nào. Mặt khác, các cháu đang ở với chị L và học tập tại xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Để ổn định cuộc sống, học tập và theo nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử giao các cháu: Nguyễn Phương A, Nguyễn Quỳnh A1, Nguyễn Mai A2 và Nguyễn Khánh L1 cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị L đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi 04 con chung với số tiền là 1.500.000 đồng/cháu/1 tháng là phù hợp với nghĩa vụ của người đối với con và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị L, buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi 04 con chung là 1.500.000 đồng/1cháu/1 tháng, kể từ tháng 5/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Phan Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Chị Phan Thị L và anh Nguyễn Văn V có bốn con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 30/10/2008, Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 09/01/2012, Nguyễn Mai A2, sinh ngày 24/10/2013 và Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 22/9/2019.

Giao cả bốn con chung là: Nguyễn Phương A, Nguyễn Quỳnh A1, Nguyễn Mai A2 và Nguyễn Khánh L1 cho chị Phan Thị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi bốn con chung là các cháu: Nguyễn Phương A, Nguyễn Quỳnh A1, Nguyễn Mai A2 và Nguyễn Khánh L1 mỗi con là 1.500.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 5/2022 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Chị Phan Thị L phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2020/0075558 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM ngày 13/12/2021.

Anh Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã TB (Số 49/2007);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai